TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hoa.
2. Ông Đinh Văn Tân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở: Số A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chế Ngọc S, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh kiêm Trưởng Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch C.

Theo Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày ngày 25-12-2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Ông Chế Ngọc S ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Mỹ Nh, sinh năm 1989, chức vụ: Trưởng Bộ phận Quản lý Tín dụng và Kiểm soát rủi ro - Phòng Giao dịch C - Chi nhánh B - Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ liên lạc: Số A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo Giấy ủy quyền số 47/GUQ-PGD Châu Đức ngày 21-02-2024.

Bị đơn: Ông Cao Duy T, sinh năm 1998.

HKTT: Số A, tổ B, khu phố C, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A do bà Phạm Thị Mỹ Nh là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Ngày 17-3-2023, ông Cao Duy T có ký với Ngân hàng TMCP A - Phòng Giao dịch C 01 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, Phụ lục Điều kiện và điều khoản). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 33.2%/01 năm. Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 31.100.000 đồng (Ba mươi mốt triệu một trăm ngàn đồng), cụ thể như sau:

Đối với thẻ tín dụng 472074-5439: Kể từ ngày được kích hoạt thẻ cho đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 1.639.917 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn chín trăm mười bảy đồng). Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10-01-2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng mức lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ của ông T theo quy định tại Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, với mức lãi suất quá hạn là 4.15%/01 tháng (33.2 % x 150%), thời gian được tính từ ngày 10-01-2024 cho đến hiện nay.

Như vậy, tính đến ngày 27-9-2024, ông T còn thiếu của Ngân hàng số tiền 13.744.329 đồng (Mười ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), trong đó tiền nợ gốc 10.167.847 đồng (Mười triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng), tiền nợ lãi 3.576.482 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Đối với khoản vay tiêu dùng (Sacombank Pay) số 211251-4342: Từ ngày được Ngân hàng giải ngân số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 7.651.114 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi mốt ngàn một trăm mười bốn đồng). Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25-01-2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ của ông T theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng khoản vay tiêu dùng (Sacombank Pay) của Ngân hàng TMCP A. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền

nợ gốc, với mức lãi suất quá hạn là 3.978%/ 01 tháng (31.8% x 150%), thời gian được tính từ ngày 25-01-2024 cho đến hiện tại.

Như vậy, tính đến ngày 27-9-2024 ông T còn thiếu của Ngân hàng số tiền 23.538.496 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc 17.748.886 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng), tiền nợ lãi 5.789.610 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm mười ngàn đồng).

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền mà ông T còn thiếu của Ngân hàng tính đến ngày 27-9-2024 và tiền lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 28-9-2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ cá nhân với Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Cao Duy T theo quy định của pháp luật nhưng ông Cao Duy T vẫn không đến. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin cư trú của ông T tại địa phương nơi ông T đăng ký hộ khẩu thường trú. Kết quả xác minh cho thấy vào thời điểm các bên xác lập giao dịch (ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng), thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì ông Cao Duy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, thị trấn C1, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau đó, ông Cao Duy T đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng phần quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Cao Duy T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm tính đến ngày 27-9-2024 là 37.282.825 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 27-9-2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa ông T với Ngân hàng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP A khởi kiện ông Cao Duy T phải trả số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng"; nơi cư trú của ông Cao Duy T là thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Cao Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tính hợp pháp của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, Phụ lục Điều kiện và điều khoản) ngày 17-3-2023, thấy:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, Phụ lục Điều kiện và điều khoản) ngày 17-3-2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với ông Cao Duy T là loại hợp đồng theo mẫu, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Do đó, căn cứ vào Điều 405 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì thỏa thuận này có giá trị pháp lý nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.1] Về số tiền gốc, tiền lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, Phụ lục Điều kiện và điều khoản) ngày 17-3-2023:

Ngày 17-3-2023, Ngân hàng TMCP A - Phòng Giao dịch C và ông Cao Duy T đã ký 01 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, Phụ lục Điều kiện và điều khoản). Căn cứ vào Hợp đồng này, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), mục đích để tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 33.2%/01 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, khách hàng được quyền sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng đã được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã

thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 31.100.000 đồng (Ba mươi mốt triệu một trăm ngàn đồng).

Đối với thẻ tín dụng 472074-5439: Từ ngày được kích hoạt thẻ cho đến ngày 27-9-2024, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 1.639.917 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn chín trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày 10-01-2024 do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 10-01-2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng mức lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ của ông T với mức lãi suất quá hạn 4.15%/01 tháng.

Đối với khoản vay tiêu dùng (Sacombank Pay) số 211251-4342: Từ ngày được Ngân hàng giải ngân số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) tính đến ngày 27-9-2024, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 7.651.114 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi mốt ngàn một trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày 25-01-2024 do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng mức lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ của ông T với mức lãi suất quá hạn 3.978%/ 01 tháng.

Như vậy, căn cứ vào Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A; Điều 4, Điều 5 của Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng khoản vay tiêu dùng của Ngân hàng TMCP A; Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 10-01-2024 đối với khoản vay là thẻ tín dụng và ngày 25-01-2024 đối với khoản vay tiêu dùng thì Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng mức lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ của ông T với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận giữa hai bên khi xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng.

Do đó, cần buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 27-9-2024 là 37.282.825 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 27.916.733 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm mười sáu ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng), tiền nợ lãi 9.366.092 đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm chín mươi hai đồng). Cụ thể:

Đối với thẻ tín dụng: Tiền nợ gốc 10.167.847 đồng (Mười triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng), tiền nợ lãi 3.576.482 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Đối với khoản vay tiêu dùng (Sacombank Pay): Tiền nợ gốc 17.748.886 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng), tiền nợ lãi 5.789.610 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm mười đồng).

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là: 37.282.825 đồng x 5% = 1.864.000 (Một triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với bị đơn ông Cao Duy T về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Ông Cao Duy T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 27-9-2024 theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, Phụ lục Điều kiện và điều khoản) ngày 17-3-2023 là 37.282.825 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 27.916.733 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm mười sáu ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng), tiền nợ lãi 9.366.092 đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm chín mươi hai đồng). Cụ thể:

Đối với thẻ tín dụng: Tiền nợ gốc 10.167.847 đồng (Mười triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng), tiền nợ lãi 3.576.482 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Đối với khoản vay tiêu dùng (Sacombank Pay): Tiền nợ gốc 17.748.886 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng), tiền nợ lãi 5.789.610 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm mười đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27-9-2024) cho đến khi thi hành án xong, ông Cao Duy T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, Phụ lục Điều kiện và điều khoản) ngày 17-3-2023 cho đến khi trả hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Cao Duy T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.864.000 (Một triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP A không phải nộp án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 770.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001009 ngày 30 tháng 5 năm 2024.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 27-9-2024). Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự").

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT**;**
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga